

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Sơn La
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 2130/BC-HĐTĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 129/BC-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi ranh giới quy hoạch:

- Phần lãnh thổ tỉnh Sơn La với tổng diện tích tự nhiên là 14.174 km².

+ Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Yên Bái, Lai Châu;

+ Phía Đông giáp tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình;

+ Phía Tây giáp tỉnh Điện Biên;

+ Phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Tọa độ địa lý tỉnh Sơn La: 20⁰39' - 22⁰02' vĩ độ Bắc, 103⁰11' - 105⁰02' kinh độ Đông.

2. Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa và phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh Sơn La.

- Đánh giá đúng thực trạng, xu hướng phát triển, tiềm năng, lợi thế, nhất là các lợi thế trong phát triển kinh tế tại các cửa khẩu quốc gia giao thương với các tỉnh vùng Đông Bắc của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các nước ASEAN.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; đảm bảo tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động các nguồn lực bên trong, bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, nhanh và bền vững; đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, phát triển hài hòa giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Quy hoạch được xây dựng trên cơ sở nhận thức đầy đủ, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, phù hợp với các điều kiện phát triển của tỉnh, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và của cả nước; kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm, phương pháp lập quy hoạch trên thế giới.

b) Mục tiêu lập quy hoạch:

- Là công cụ để chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện, thống nhất trên địa bàn tỉnh Sơn La; là căn cứ để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; là cơ sở khoa học và thực tiễn để triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn tỉnh hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá chiến lược; hướng tới phát triển nhanh và bền vững trong trung và dài hạn trên cả 4 trụ cột: phát triển kinh tế - phát triển văn hóa - bảo vệ môi trường - bảo đảm quốc phòng an ninh.

c) Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch; các pháp luật chuyên ngành có liên quan đến phân bố không gian, tổ chức mạng lưới, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành/lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh; các phân tích, đánh giá và định hướng phát triển được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, tính kết nối liên ngành, liên lĩnh vực và liên vùng.

- Đảm bảo tính bền vững và dài hạn trong lập quy hoạch dựa trên cả 4 trụ cột: phát triển kinh tế - phát triển văn hóa - bảo vệ môi trường - bảo đảm quốc phòng an ninh cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đảm bảo tính khả thi và thích ứng trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo tính kế thừa và tính mở để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo tính liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước cũng như các quy hoạch cấp quốc gia trước đó.

- Đảm bảo tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực phát triển.

- Đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch, có sự tham gia của các

cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định; đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng và giữa lợi ích của các vùng, các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như các văn bản pháp luật về biên giới quốc gia và quy hoạch cửa khẩu; gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam - Lào.

3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch

a) Nội dung của quy hoạch:

Nội dung Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Sơn La;
- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;
- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;
- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;
- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;
- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ, thành phố, thị xã và các thị trấn trên địa bàn;
- Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp;
- Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư;
- Xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực của tỉnh;
- Phương án phát triển mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện; mạng lưới viễn thông; mạng lưới thủy lợi, cấp nước; các khu xử lý chất thải;
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

- Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;
- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh;
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.

b) Phương pháp lập quy hoạch:

Hệ thống các phương pháp lập quy hoạch phải bảo đảm tính tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, khoa học, phù hợp, thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các phương pháp cơ bản sau được sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh Sơn La:

- Tích hợp quy hoạch.
- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.
- Phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu.
- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo.
- Tiếp cận từ thực địa.
- Nghiên cứu tại bàn, nghiên cứu mô hình.
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật và tính đặc thù của tỉnh Sơn La.

4. Thời hạn lập quy hoạch

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tổ chức lập và hoàn thành lập quy hoạch trong thời hạn không quá 20 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

5. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh Sơn La;
 - Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Sơn La kèm theo các sơ đồ, bản đồ thu nhỏ;
 - Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;
 - Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
 - Báo cáo các nội dung tích hợp của tỉnh Sơn La;
 - Các phụ lục và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:
- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Sơn La.
 - Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển.
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.
 - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
 - + Một số bản đồ chuyên đề khác.
 - Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch.
 - Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển các khu vực trọng điểm của tỉnh tỷ lệ 1:10.000-1:25.000 (nếu có).

c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch (đĩa CD)

6. Chi phí lập quy hoạch

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La:

a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm

2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và phù hợp quy định của pháp luật liên quan.

b) Quy định cụ thể về số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La triển khai thực hiện lập quy hoạch.

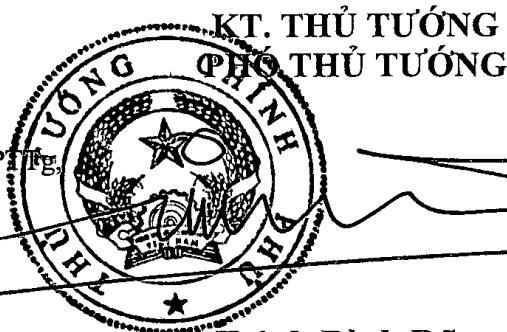
Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh Sơn La;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các P.TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP (3). 12



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trịnh Đình Dũng